

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**
Bản án số: 88/2025/DSST
Ngày 25/12/2025
*Về việc: Tranh chấp quyền sử
dụng đất*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Hoàng Tâm;

- Ông Nguyễn Văn Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/12/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2024/DS-ST ngày 09/12/2024 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-DS ngày 09/6/2025 và các Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2025/QĐST-DS ngày 08/8/2025; số: 179/2025/QĐST-DS ngày 09/9/2025; số: 197/2025/QĐST-DS ngày 29/9/2025; số: 39/2025/QĐST-DS ngày 20/11/2025 và Thông báo v/v mở lại phiên tòa số: 112/TB-TA ngày 01/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông Chè Á T, sinh năm 1977 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980.

(Bà Nguyễn Thị L uỷ quyền cho ông C Á Tân tham gia tố tụng).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: 1. Ông Đinh Văn H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tạ Xuân T1, sinh năm 1969 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

3. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Bắc Ninh là tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1967 (xin vắng mặt).

5. Bà Đặng Thị B, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ thì phía nguyên đơn ông Chê Á T và bà Nguyễn Thị L. Bà L uỷ quyền cho ông T tham gia tố tụng. Ông T trình bày:**

Đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Yêu cầu vợ chồng ông Đinh Văn H và bà Nguyễn Thị H1 trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng 60m² (chiều rộng (bề mặt) 3m, chiều dài (sâu) 20m) tại thửa đất số 459, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện:

Diện tích đất 200m² tại thửa đất số 459, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, nay là thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh ông nhận chuyển nhượng của ông Tạ Xuân T1, bà Nguyễn Thị H2 (ông T1, bà H2 nhận chuyển nhượng của ông H bà H1 là bị đơn).

Khi nhận chuyển nhượng, ông có ra Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T làm thủ tục và được UBND xã T chứng thực hợp đồng. Thửa đất ông nhận chuyển nhượng đã được UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là Chủ tịch UBND xã L, tỉnh Bắc Ninh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là Giấy CNQSD đất) số sê ri: BR 402877; Số vào sổ cấp GCN: CH01621. QĐ số: 1237/QĐ-UBND ngày 12/9/2014.

Trên đất không có tài sản gì. Do chưa có nhu cầu sử dụng đất, nên ông không xây dựng công trình gì, đất để không (gia đình ông ở chỗ khác).

Năm 2023 ông đo lại thửa đất, thấy thiếu diện tích và đã bị ông H bà H1 xây dựng nhà cấp 4, lợp Proximăng lên 1 phần đất của gia đình ông.

Ông đã trao đổi với ông H, nhưng ông H không nghe; UBND xã T đã hoà giải, nhưng ông H và bà H1 không đến tham gia.

Thửa đất của ông ở thôn N, xã T. Nhưng giấy CNQSD đất ghi thôn Đ, xã T là ghi nhầm địa chỉ ông đang ở.

Việc Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ tài sản và định giá tài sản, ông nhất trí.

Theo bên bản đo vẽ thì diện tích đất ông H bà H1 lấn chiếm là 17,4m², nên ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị ông H bà H1 tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất, trả lại cho ông 17,4m².

Ông và ông T1, bà H2 không tranh chấp gì hợp đồng chuyển nhượng đất.

Do quyền lợi bị xâm phạm, nên ông yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Bị đơn ông Đinh Văn H trình bày:**

Ông bà chuyển nhượng đất cho ông Tạ Xuân T1 bà Nguyễn Thị H2 không nhớ thời gian nào, phần đất chuyển nhượng là 10m giáp đường đi, diện tích bao nhiêu thì không nhớ; việc chuyển nhượng có lập hợp đồng. Phần đất chuyển nhượng không tài sản gì, tiếp giáp nhà ông. Sau này ông T1 chuyển nhượng đất cho ai, ông không biết, ông không lấn chiếm đất của ông T. Đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông T bà L.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Gia đình bà không chuyển nhượng đất cho ông T, bà L.

Bà và ông H chuyển nhượng đất cho ông T1, bà H2 phần đất không có nhà. Còn ông T1 bà H2 chuyển nhượng đất cho ai bà không biết.

Đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông T bà L.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

1. Ông Tạ Xuân T1 và bà Nguyễn Thị H2: Khoảng năm 2012, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng đất của ông Đinh Văn H và bà Nguyễn Thị H1. Đất có kích thước chiều rộng (bề mặt) 10m, chiều dài (sâu 20m), diện tích 200m². Khi nhận chuyển nhượng, hai bên có nhờ địa chính xã đo đạc, xác định mốc giới, trên đất không có tài sản gì; hợp đồng được làm thủ tục tại UBND xã T. Đất ông nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy CNQSD đất.

Năm 2014 vợ chồng ông chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông T bà L. Thời điểm này trên đất không có tài sản gì. Hợp đồng chuyển nhượng được UBND xã T chứng thực. Các bên không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đất. Ông T bà L đã được cấp giấy CNQSD đất.

Đến nay ông H bà L làm công trình gì trên đất ông đã chuyển nhượng đất cho ông T bà L, ông không biết.

2. UBND huyện L, nay là Chủ tịch UBND xã L có văn bản trình bày:

Theo Giấy CNQSD đất số sê ri: BR 402877; Số vào sổ cấp GCN: CH 01621. QĐ số: 1237/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND huyện L cấp cho ông C Á Tân và bà Nguyễn Thị L, thửa đất số 459, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất tại thôn Đ, xã T, huyện L. Sơ đồ thửa đất có các cạnh phía Bắc giáp đường đi cự ly 10m.

Kết quả xem xét thẩm định: Thửa đất số 459, tờ bản đồ số 15 nêu trên của ông T bà L có địa chỉ tại thôn N (trước đây là thôn Đ), xã T. Thửa đất có cạnh phía tây giáp đường đi có cự ly 10m.

Như vậy, hướng các cạnh của thửa đất và địa chỉ thửa đất trên thực địa không phù hợp với Giấy CNQSD đất đã cấp. Lý do của sự sai lệch là:

- Đối với hướng thửa đất: Ban đầu trong hồ sơ cấp giấy CNQSD đất của ông Đinh Văn H bà Nguyễn Thị H1 sau đó tách thửa đất chuyển nhượng cho ông Tạ Xuân T1 và bà Nguyễn Thị H2 thì thửa số 459, tờ bản đồ số 15 thể hiện đúng hướng các cạnh giáp ranh như kết quả thẩm định thực tế. Đến khi cấp giấy CNQSD đất cho ông C Á T và bà Nguyễn Thị L do nhận chuyển nhượng cán bộ lập hồ sơ, vẽ sơ đồ đã thể hiện sai.

- Đối với địa chỉ thửa đất: Thể hiện nhầm thôn là Đồng Dinh theo địa chỉ thường trú của ông T bà L. Đúng ra phải là thôn Đ (nay là thôn N), xã T.

Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

* Nguyên đơn ông Chè Á T trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 459, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m² được UBND cấp giấy CNQSD đất số sê ri: BR 402877; Số vào sổ cấp GCN: CH01621. QĐ số: 1237/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 là ông và bà L nhận chuyển nhượng của ông Tạ Xuân T1 bà Nguyễn Thị H2 (trước đó ông T1 bà H2 nhận chuyển nhượng của ông H bà H1); đất có chiều bề mặt tiếp giáp đường đi là 10, chiều sâu 20m. Khi nhận chuyển nhượng, trên đất không có tài sản gì. Do chưa có nhu cầu sử dụng, nên ông không xây dựng công trình gì trên đất. Năm 2024 ông ra sử dụng thì thấy diện tích đất của ông bị thiếu. Ông xác định ông H bà H1 lấn chiếm đất của ông, nên ông yêu cầu ông H bà H1 trả lại diện tích đất 17,4m².

Việc nhận chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông T1 bà H2, ông không tranh chấp gì, các bên đã thực hiện xong hợp đồng.

Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, ông đã nhận được sơ đồ đo đạc thửa đất ngày 10/9/2025, ông không có ý kiến gì. Ông thấy ông Nguyễn Văn P xây nhà giáp đất nhà ông, ông xác định đất của ông bị thiếu là ông H bà H1 lấn chiếm. Ông không kiện ông P bà B. Nếu sau khi xét xử, nếu ông thấy quyền lợi của ông không bảo đảm, ông sẽ khởi kiện ông P bà B sau.

* Qua tranh luận và đối đáp, các đương sự giữ nguyên ý kiến như trình bày ở trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều: Khoản 9 Điều 26, Điều 34, 35, 39, 157, 165, 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 175 và Điều 176 của Bộ luật dân sự 2015;

Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chè Á T và bà Nguyễn Thị L về yêu cầu ông Đinh Văn H và bà Nguyễn Thị H1 tháo dỡ công trình trên đất trả lại 17,4m² thuộc thửa đất số 459, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh đã được UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã L, tỉnh Bắc Ninh) cấp giấy CNQSD đất số sê ri: BR 402877; Số vào sổ cấp GCN: CH01621. QĐ số: 1237/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 cấp cho ông C Á Tân, bà Nguyễn Thị L.

- Về chi phí tố tụng: Ông Chè Á T, bà Nguyễn Thị L phải chịu 22.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản và định giá tài sản.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T và bà L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 20/02/2024 Toà án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý vụ án. Trong quá trình thu thập chứng cứ, thấy chị Nguyễn Thị H1 là bị đơn đang ở nước ngoài. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 38 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Do đó Toà án nhân dân huyện Lục Nam đã chuyển hồ sơ cho Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang để giải quyết theo thẩm quyền.

Từ ngày 01/7/2025 thì Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang sáp nhập với Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thành Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã kế thừa toàn bộ thẩm quyền giải quyết vụ án của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

- Bị đơn ông Đinh Văn H và bà Nguyễn Thị H1; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Tạ Xuân T1, bà Nguyễn Thị H2 và bà Đặng Thị B, đã được

Toà án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS. Toà án xét xử vắng mặt các đương sự.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch UBND xã L, tỉnh Bắc Ninh và ông Nguyễn Văn P có đơn xin xử vắng mặt. Do đó Toà án xét xử vắng mặt đương sự theo qui định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại phần diện tích đất bị chiếm giữ và tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất. Do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất được qui định tại 9 Điều 26 của BLTTDS.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Tân bà L yêu cầu ông H bà H1 tháo dỡ công trình trên đất, trả lại diện tích đất 60m²; tại thửa đất số 459, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh. Tại đơn khởi kiện, ông T bà L xác định bị đơn lấn chiếm của ông khoảng 60m² đất. Sau khi Tòa án cho đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ tài sản. Ông T xác định vị trí đất bị đơn lấn chiếm là 17,4m² và yêu cầu bị đơn phải trả 17,4m².

Xét thấy: Nguyên đơn thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó Tòa án chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện để xem xét theo quy định của pháp luật.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Gia đình ông Chè Á Tân và gia đình ông Đình Văn H có đất ở liền kề nhau, 2 thửa đất tại địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

- Thửa đất ông Chè Á Tân và bà Nguyễn Thị L đang quản lý sử dụng theo giấy CNQSD đất có diện tích đất 200m² tại thửa đất số 459, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh đã được UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là Chủ tịch UBND xã L, tỉnh Bắc Ninh) cấp giấy CNQSD đất số sê ri: BR 402877; Số vào sổ cấp GCN: CH01621. QĐ số: 1237/QĐ-UBND ngày 12/9/2014.

- Thửa đất ông Đình Văn H và bà Nguyễn Thị H1 đang quản lý sử dụng có diện tích:

Theo QĐ số: 1650/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 về việc chỉnh lý biến động đất đai và cấp GCNQSD đất tại xã T của Chủ tịch UBND huyện L (BL 166) thì diện tích đất ông H bà H1 sử dụng là 348,3m² (đất ở 104,1m², đất vườn 244,2m²) thửa số 457 và thửa số 460, tờ bản đồ số 15 tại thôn Đ, xã T.

Ông T bà L cho rằng ông H bà H1 lấn chiếm diện tích đất 17,4m² tại vị trí phía Nam của thửa đất, trên đất có 1 phần nhà cấp 4 lợp Proximang.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ tài sản và kết quả đo vẽ hiện trạng sử dụng đất ngày 10/9/2025, diện tích đất của gia đình ông T và gia đình ông H đang sử dụng thể hiện:

- Diện tích đất ông T đang quản lý sử dụng có hình: MNOPQX diện tích 183,3m²; phía nam tiếp giáp đất của ông Đinh Văn H; phía bắc tiếp giáp đất của ông Nguyễn Văn P; phía đông tiếp giáp đất nông nghiệp; phía tây (bề mặt tiếp giáp đường đi chung).

- Diện tích đất ông H đang quản lý sử dụng có hình: PQXYW có diện tích 207,3m² có phía bắc tiếp giáp đất của ông Chê Á T.

Kết quả trông ghép hiện trạng sử dụng đất của các bên với tờ bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Thửa đất hộ ông C Á Tân được cấp giấy CNQSD đất có hình: MNOPQX có: Kích thước bề mặt: 7,22m + 2,78m; chiều sâu: 1 cạnh 20m; 1 cạnh = 13m + 7m. Diện tích: 183,3m²

Diện tích đất ông Đinh Văn H sử dụng không chồng lấn lên diện tích đất của ông T.

Do đó xác định hộ ông H không lấn chiếm đất của hộ ông T.

Nguyên nhân hộ ông T thiếu đất là do: Thửa đất của ông T có dạng hình bình hành (không phải hình chữ nhật, nên diện tích có giảm) và do công trình xây dựng khác xây lên.

Do đó ông T khởi kiện yêu cầu ông H bà L phải trả diện tích đất 17,4m² là không có căn cứ. Cần bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

[6] Đối với tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, đo vẽ và định giá tài sản. Căn cứ các Điều: 157, 158, 165 và 166 của BLTTDS.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, đo vẽ và định giá tài sản hết 22.000.000 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, nên ông T bà L phải chịu số tiền 22.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS.

- Ông T bà L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí DSST. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T bà L đã nộp 2.500.000 đồng. Trả lại ông T bà L 2.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 và 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 236 của Luật đất đai năm 2024.

- Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38; khoản Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố Tố tụng dân sự.

Điều 26 và khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH 14 ngày 30/12/016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chê Á Tân bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu ông Đinh Văn H bà Nguyễn Thị H1 phải tháo dỡ, di dời và phá dỡ toàn bộ các tài sản gồm: Phần diện tích nhà cấp 4 diện tích 17,4m², để trả lại diện tích đất 17,4m² tại thửa đất số 459, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, đo đạc và định giá tài sản: Ông Chê Á T và bà Nguyễn Thị L phải chịu 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng). Xác nhận ông T bà L đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Chê Á T và bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 2.5.000.000 đồng ông T bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0008082 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Trả lại ông C Á T và bà Nguyễn Thị L 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

- Báo cho ông C Á Tân có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Báo cho các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

(Bản án có sơ đồ kèm theo).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án DS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VT.*

Dương Thế Vinh